

LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC: MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA VIỆC LÀM VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

NGUYỄN THỊ MINH CHÂU*

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, bài viết mô tả mối tương quan giữa tính chất phi chính thức và tình trạng nghèo ở nhóm lao động phi chính thức theo tỷ lệ thuận và có sự khác biệt trong phân khúc vị thế nghề nghiệp. Lao động phi chính thức thuộc nhóm có chuyên môn kỹ thuật không cao, việc làm không ổn định, và điều này thường dẫn đến thu nhập thấp, bấp bênh. Theo một vòng khép kín, thu nhập thấp, bấp bênh dẫn đến tình trạng tái nghèo đơn chiều (nghèo về thu nhập), là nguyên nhân dẫn đến nghèo đa chiều (chưa tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản). Để giảm nghèo bền vững ở nhóm lao động này cần có nhiều nghiên cứu chuyên sâu hơn nhằm cung cấp những bằng chứng khoa học thuyết phục cũng như đề xuất những giải pháp thiết thực, hợp lý thúc đẩy công tác vận động chính sách.

Từ khóa: lao động phi chính thức, việc làm, giảm nghèo bền vững

Nhận bài ngày: 11/8/2019; *đưa vào biên tập:* 12/8/2019; *phản biện:* 26/8/2019; *duyet đăng:* 4/10/2019

1. GIỚI THIỆU

Việc làm, tiền lương là một trong những trụ cột chính trong hệ thống chính sách an sinh xã hội của Việt Nam đến năm 2020; trong đó nhấn mạnh đảm bảo việc làm và thu nhập đủ sống, giảm nghèo bền vững. Các nghiên cứu trước đây cho rằng, tiền lương của người lao động khu vực chính thức thực tế cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng nhưng rất khó đảm bảo mức sống tối thiểu nếu không có các khoản phụ cấp, làm thêm ngoài giờ. Trong khi đó, lao động phi chính thức có tiền công thấp

hơn rất nhiều so với lao động chính thức, lại không có bộ đỡ của tiền lương tối thiểu - “Thu nhập từ việc làm phi chính thức hầu như vẫn không đáp ứng được mức sống cơ bản vì việc làm phi chính thức hiếm khi đi kèm với tiền lương đầy đủ, điều kiện làm việc tốt và bảo trợ xã hội” (Tổng cục Thống kê và Tổ chức Lao động Thế giới - ILO, 2016: i); và có mối tương quan tỷ lệ thuận giữa tính phi chính thức và nghèo đói (Roxana Maurizio, 2010). Phần lớn lao động không có chuyên môn kỹ thuật, trình độ học vấn thấp được xếp vào nhóm dễ bị tổn thương. Khoảng trống về các quyền lợi cơ bản của người lao động, hạn chế trong việc tiếp cận an sinh xã

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

hội của nhóm lao động khu vực phi chính thức lớn hơn nhiều so với nhóm lao động khu vực chính thức. Những người này thường rơi vào bẫy nghèo đói⁽¹⁾.

Bài viết tổng quan lại kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước về mối quan hệ giữa tính phi chính thức của việc làm với giảm nghèo bền vững nhằm làm cơ sở cho việc nghiên cứu chính sách, đảm bảo công bằng hơn cho người lao động, hướng đến giảm nghèo bền vững ở Việt Nam.

2. LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC VÀ PHÂN KHÚC VỊ THẾ NGHỀ NGHIỆP

2.1. Lao động phi chính thức

Theo ILO (1993 và 2002), OECD (2002), SNA (1993 và 2008), *kinh tế phi chính thức* là khu vực bao gồm các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ có đặc điểm hộ sản xuất kinh doanh, không có tư cách pháp nhân; được tổ chức đơn giản, quy mô nhỏ; các mối quan hệ việc làm (nếu có) chủ yếu dựa trên sự tình cờ, quan hệ họ hàng, hoặc quan hệ cá nhân, sự quen biết hơn là các thỏa thuận hợp đồng với sự bảo đảm chính thức. Việc làm ở khu vực này gọi là việc làm phi chính thức.

Ở Việt Nam, tất cả việc làm thuộc khu vực kinh tế phi chính thức được coi là việc làm phi chính thức. Đó là việc làm không có bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Việc làm trong khu vực phi chính thức bao gồm tất cả việc làm ở các cơ sở phi chính thức (Viện Khoa học Thống kê, 2010).

Việc làm phi chính thức và lao động phi chính thức giống hay khác nhau. ILO đưa ra khái niệm lao động phi chính thức tức là những người có việc làm phi chính thức và bao gồm các nhóm như lao động tự làm mang tính chất hộ gia đình; làm chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế phi chính thức; lao động gia đình; xã viên hợp tác xã thuộc khu vực kinh tế phi chính thức; lao động làm công ăn lương; người tự làm.

Trong các cuộc điều tra về lao động và việc làm, khái niệm lao động phi chính thức về cơ bản là tổng của lao động thuộc khu vực kinh tế phi chính thức và lao động phi chính thức - lao động không theo dõi được - trong khu vực kinh tế chính thức (Tổng cục Thống kê & ILO, 2017).

Trên cơ sở các nghiên cứu trước, có thể khái quát lao động phi chính thức bao gồm những người có việc làm phi chính thức; trong đó việc làm không chính thức được xác định là việc làm không có bảo hiểm xã hội, không có bảo hiểm y tế. Theo nghĩa hẹp, đó là những người không có hợp đồng lao động. Các nghiên cứu trước đây đã bao gồm nhiều dạng khác nhau của lao động phi chính thức; trong đó bao gồm cả lao động hộ gia đình, tự làm và làm công ăn lương trong khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức. Tuy nhiên, giữa các loại hình lao động này rất khác nhau về loại hình hoạt động cũng như đặc điểm cụ thể tác động đến tiền lương, mức sống của bản thân và gia đình.

2.2. Phân khúc vị thế nghề nghiệp trong lao động phi chính thức

Trong nghiên cứu về “Làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức: tự nguyện hay bắt buộc? Phân tích sự hài lòng về công việc tại Việt Nam”, Mireille Razafindrakoto và cộng sự (2010) nhấn mạnh cần phân biệt hai thành phần của khu vực kinh tế phi chính thức: thành phần đầu tiên (phân khúc thấp) gồm các hoạt động kiếm sống đơn giản, có hiệu quả kinh tế thấp và không có cơ hội tích lũy; thành phần thứ hai (phân khúc cao) gồm các doanh nhân năng động, có khả năng tạo ra lợi nhuận đáng kể.

Lao động phi chính thức thuộc nhóm lao động dễ bị tổn thương; trong đó phân ra hai nhóm: nhóm lao động tự làm và lao động gia đình, và nhóm lao động làm công ăn lương. Nhóm lao động tự làm và lao động gia đình là dễ bị tổn thương nhất do họ ít có khả năng được bố trí công việc chính thức và có nhiều khả năng thiếu các yếu tố liên quan đến công việc bền vững như an sinh xã hội đầy đủ và tiếng nói trong công việc; lao động làm công ăn lương lại không có nhiều lợi thế do không được đưa ra quyết định trong công việc và không chủ động về thời gian làm việc (Tổng cục Thống kê và ILO, 2017: 34)

Giữa các nhóm lao động làm thuê khu vực phi chính thức và khu vực chính thức có sự khác biệt rõ về tính chất lao động. Lao động làm thuê khu vực chính thức là đối tượng của quy phạm pháp luật của Bộ luật Lao động Việt

Nam, việc tuân thủ các quy định về tiền công và các khoản phúc lợi, đảm bảo an sinh xã hội phụ thuộc vào mối quan hệ lao động. Trong khi đó, lao động làm thuê trong khu vực kinh tế phi chính thức chưa thuộc đối tượng của Bộ luật Lao động với các quy định trên mà chỉ là sự thỏa thuận đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Chính vì vậy, trong nhóm lao động phi chính thức, rất cần chú ý đến phân khúc vị thế nghề nghiệp ở tầng thấp, dễ bị tổn thương; đó là nhóm lao động làm thuê, làm công ăn lương phi chính thức hơn là các nhóm ở phân khúc trên trong nghiên cứu về việc làm, thu nhập và nghèo đói.

3. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA VIỆC LÀM PHI CHÍNH THỨC VÀ NGHÈO Ở LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC

3.1. Việc làm phi chính thức và thu nhập tại một số quốc gia

Đặc điểm khá tương đồng của người lao động trong khu vực phi chính thức ở các nước đang phát triển là có trình độ học vấn trung bình thấp, việc làm bấp bênh, điều kiện làm việc không đảm bảo và thu nhập thấp.

Nghiên cứu trường hợp 4 nước Châu Mỹ Latinh (Argentina, Brazil, Chile và Peru) cho thấy: người lao động phi chính thức (kể cả những người làm việc trong lĩnh vực phi chính thức và những người làm công ăn lương nhưng không có đăng ký) có trình độ học vấn trung bình thấp hơn người lao động trong khu vực chính thức. Đặc

điểm chính của lao động trong khu vực này là số lượng lao động trẻ và lao động nữ nhiều hơn, chủ yếu làm việc nhiều hơn trong lĩnh vực kinh doanh buôn bán, xây dựng và giúp việc nhà. “Việc phân bổ thành phần” như vậy có tác động tiêu cực tới thu nhập của việc làm phi chính thức. Chênh lệch về mức lương giữa hai khu vực còn có nguyên nhân là sự chênh lệch trong năng suất giữa người lao động thuộc hai khu vực tính theo mỗi đặc điểm được sử dụng cho phân tích so sánh, điều này đặc biệt đúng ở hai nước Argentina và Peru. Khoảng cách chênh lệch như vậy cho thấy dường như có hiện tượng phân tán trên thị trường lao động, với biểu hiện là người lao động phi chính thức không tiếp cận được việc làm chính thức vốn có mức thu nhập cao hơn (Roxana Maurizio, 2010).

Nghiên cứu trường hợp lao động phi chính thức ở Argentina vào giai đoạn đầu những năm 2000, giai đoạn tăng trưởng kinh tế đang dần phục hồi sau cuộc khủng hoảng nghiêm trọng xảy ra vào đầu thập niên, cho thấy tình trạng bất bình đẳng không thay đổi: họ ít tiếp cận được với việc làm, nếu có thì thường là việc làm chất lượng thấp trong khu vực kinh tế phi chính thức; việc làm và thu nhập thường bấp bênh với mức độ cao hơn mức độ bấp bênh trung bình, do vậy họ thường là những đối tượng dễ bị tổn thương ở mức cao (F. Groisman, 2010).

Trong nghiên cứu của Roxana Maurizio về lao động phi chính thức

và nghèo đói ở Argentina, Brazil, Chile và Peru, tác giả xem xét sự tồn tại của mối quan hệ có thể có giữa tình trạng phi chính thức, sự phân khúc và đói nghèo tại bốn quốc gia này. Mối quan hệ này được xác định thông qua phân khúc về thu nhập. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm người lao động phi chính thức trong khu vực phi chính thức có thu nhập thấp nhất; tồn tại mức chênh lệch thu nhập đáng kể giữa lao động chính thức và phi chính thức, trong đó phần hơn thuộc về lao động chính thức và mức chênh lệch này không do sự khác biệt trong các thuộc tính nhận thấy của người lao động. Như vậy, có tồn tại phân khúc thu nhập gắn với tình trạng phi chính thức tại bốn nước được phân tích (Roxana Maurizio, 2010). Để minh chứng, tác giả đã đưa ra các mô phỏng nhỏ rằng “việc chính thức hóa” người lao động phi chính thức sẽ làm giảm tỷ lệ nghèo đói và mức độ giảm khác nhau giữa các nước.

Một nghiên cứu khác cụ thể ở Argentina về lao động phi chính thức và thu nhập không ổn định giai đoạn 2004 - 2007 của Fernando Groisman cho thấy, các hộ gia đình với các nguồn lực thấp không được hưởng một cách đầy đủ các lợi ích của tăng trưởng kinh tế, có ít cơ hội việc làm hơn và chất lượng công việc không cao. Chẳng hạn: “hộ gia đình mà chủ hộ có tay nghề thấp thường đối mặt với mức bất ổn lao động cao hơn và biến động thu nhập lớn hơn - trung bình cao hơn khoảng 1/3 - so với các

hộ gia đình mà chủ hộ có trình độ học vấn cao hơn” và “có sự tồn tại dai dẳng của các mức độ rủi ro khác nhau về việc làm và thu nhập” (Fernando Groisman, 2010: 379).

Hay một nghiên cứu khác tại Peru, lao động trong khu vực phi chính thức đô thị là nhóm người lao động nghèo đô thị có số lượng đông nhất. Hai phần ba số lao động đô thị làm việc trong khu vực phi chính thức và tỷ lệ đói nghèo của những người này cao gấp 3 lần so với người lao động khu vực chính thức (Javier Herrera và cộng sự, 2010). Sự bất bình đẳng này bắt nguồn từ thu nhập của lao động phi chính thức (Javier Herrera, 2008).

3.2. Việc làm phi chính thức và thu nhập tại Việt Nam

Ở Việt Nam, nghiên cứu về lao động khu vực cho thấy, việc làm không ổn định, bấp bênh, thu nhập thấp là đặc trưng của nhóm đối tượng lao động này (Jean-Pierre Cling và cộng sự, 2010). Thu nhập thấp là do tiền lương của nhóm lao động phi chính thức không theo chính sách tiền lương tối thiểu và tiền lương của một số ngành nghề thấp hơn so với lương tối thiểu vùng dẫn đến quyền lợi cơ bản của người lao động về tiền lương chưa được đảm bảo. Trong trường hợp này mức lương được tính dựa trên quy mô, tình hình hoạt động của cơ sở, hoàn toàn không dựa trên mức lương tối thiểu của nhà nước và thông qua sự thỏa thuận của người lao động. Tuy nhiên, do trình độ học vấn thấp, không có chuyên môn kỹ thuật, phần

lớn người lao động đồng ý với mức lương do người sử dụng lao động đưa ra. Khi được hỏi có được trả lương theo mức lương tối thiểu của nhà nước không, chỉ có 23% người lao động trả lời là có (nhưng hỏi sâu vào cách tính lương theo mức lương tối thiểu như thế nào thì lại không biết), 23% trả lời không áp dụng, 54,3% cho biết không được trả lương theo mức lương tối thiểu (Soeren Jeppesen, Bas Kothus, Angie Ngoc Tran, 2009).

Nghiên cứu cụ thể trường hợp người làm công thu gom rác dân lập ở TPHCM năm 2018 cho thấy 34,6% trong số họ có thu nhập trung bình ở nhóm thấp nhất, khoảng 2.475.000 đồng/người/tháng, chưa đạt được mức lương tối thiểu vùng năm 2017 đã được quy định đối với khu vực I như TPHCM, Hà Nội (3.750.000đ/người/tháng). Có nghĩa là vẫn còn một lượng lớn, gần 1/3 người thu gom rác có thu nhập không đủ đảm bảo cho cuộc sống tại TPHCM trong khi họ phải làm việc trong môi trường độc hại (SDRC, 2018).

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê và ILO về lao động phi chính thức năm 2016, lương bình quân của lao động phi chính thức là 4,4 triệu đồng/tháng, chỉ bằng 58% tiền lương bình quân của lao động chính thức và cao hơn 1,5 lần tiền lương tối thiểu vùng 4 và cao hơn 12,6% tiền lương tối thiểu vùng 1. Tiền lương bình quân tháng của lao động phi chính thức thấp hơn của lao động chính thức ở tất cả các vị thế việc làm. Với mức

lương này, người lao động khu vực phi chính thức rất khó đảm bảo cuộc sống cho mình và nuôi sống gia đình (Tổng cục Thống kê và ILO, 2017).

Nếu so sánh nhóm lao động làm công ăn lương trong lĩnh vực phi chính thức và chính thức, tiền lương của lao động làm công ăn lương phi chính thức chỉ bằng 2/3 mặc dù thời gian làm việc dài hơn (nhiều hơn 2 giờ/ngày) (ILO, 2017: 38). Điều này cho thấy có sự bất bình đẳng trong việc trả lương giữa 2 nhóm lao động làm công ăn lương.

Từ các kết quả nghiên cứu, ILO cho rằng, lao động khu vực phi chính thức, điển hình là lao động giúp việc nhà, không nên bị phân biệt đối xử và cần được hưởng tiền lương tối thiểu tương đương với những lao động khác (Tổng cục Thống kê và ILO, 2017). Nghiên cứu “Rào cản pháp luật và thực tiễn tiếp cận an sinh của người lao động di cư” do Oxfam chủ trì thực hiện năm 2015 cho thấy: Việc làm thiếu ổn định dẫn đến nguồn thu nhập bình quân nhân khẩu hộ gia đình người lao động di cư rất thấp và mức thu nhập này thấp hơn so với mức sống tối thiểu⁽²⁾ (Oxfam, 2015).

Từ kết quả nghiên cứu về lao động khu vực phi chính thức nêu trên cho thấy một bức tranh chung của nhóm lao động phi chính thức: việc làm bấp bênh, thu nhập thấp, chưa đáp ứng đủ mức sống tối thiểu/nhu cầu sống tối thiểu, chưa được xem là đối tượng được thụ hưởng các chính sách lao động, việc làm, tiền lương, đặc biệt là

tiền lương tối thiểu vùng - “lưới an toàn” cho người lao động.

3.3. Thu nhập và giảm nghèo bền vững của Việt Nam

Giảm nghèo là một trong những chiến lược được đặt lên hàng đầu trong Mục tiêu Thiên niên kỷ với hàng loạt các chính sách giảm nghèo bền vững như Nghị quyết số 30A/2008/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 64 huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được hỗ trợ áp dụng một số cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng; Nghị quyết số 80/NQ-CP về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015 được phê duyệt ngày 8/10/2012 với mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư; Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Quyết định 2324/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 76; Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về giảm tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước còn dưới 5%, các huyện nghèo còn dưới 30%.

Trong suốt nhiều thập niên gần đây, ở Việt Nam, khi nói đến nghèo là nói đến nghèo thu nhập hoặc chi tiêu.

Chuẩn nghèo được xác định dựa trên mức chi tiêu đáp ứng nhu cầu tối thiểu và được quy bằng tiền; hoặc được đo bằng thu nhập. Người nghèo hoặc hộ nghèo là đối tượng có mức thu nhập hoặc chi tiêu thấp hơn chuẩn nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố. Sau năm 2016, Việt Nam hướng đến đo lường nghèo đa chiều theo Nghị quyết 76/2014/QH13 của Quốc hội khóa 13 về Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020.

Khái niệm nghèo đa chiều của Việt Nam được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng một số nhu cầu cơ bản trong cuộc sống (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2015). Các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống được quy định trong Hiến pháp 2013, Nghị quyết 15-NQ/TW và Nghị quyết 76/2014/QH13 bao gồm nhu cầu y tế, giáo dục, việc làm, nhà ở và thông tin.

Theo báo cáo của UNDP về nghèo đa chiều ở Việt Nam, phân tích số liệu từ các cuộc khảo sát “Mức sống dân cư Việt Nam” cho thấy tỷ lệ nghèo, dù đo lường bằng thước đo đơn chiều hay đa chiều, đều giảm trong giai đoạn 2012 - 2016. Tuy nhiên, mức độ giảm khác nhau, trong đó giáo dục và nghề nghiệp của chủ hộ là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến tình trạng nghèo. Bởi giáo dục và nghề nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm và thu nhập của hộ (UNDP, 2018). Kết quả của nghiên cứu này cho thấy, các hộ gia đình có chủ hộ

làm trong lĩnh vực nông nghiệp có tỷ lệ nghèo đa chiều cao nhất, tiếp theo là các hộ có chủ hộ là lao động không có kỹ năng; các nhóm hộ này cũng đạt được kết quả giảm nghèo trong giai đoạn 2012 - 2016, tuy nhiên tốc độ giảm nghèo thấp hơn các nhóm hộ khác. Theo đó, nhóm lao động phi chính thức thuộc nhóm có tỷ lệ nghèo đa chiều cao thứ hai, sau nhóm lao động nông nghiệp. Hơn nữa, xét về các chiều nghèo thì nhóm lao động phi chính thức lại rơi vào tình trạng thiếu hụt khá cao (UNDP, 2018). Thu nhập từ tiền lương đóng vai trò quan trọng trong công tác giảm nghèo. Một nghiên cứu gần đây kết luận rằng thu nhập từ tiền lương tăng lên đóng góp hơn một nửa tỷ lệ giảm nghèo trong giai đoạn 2014 - 2016 và việc cải thiện mức thịnh vượng bền vững phụ thuộc vào gia tăng thu nhập từ lương (Worldbank, 2018).

Theo phương pháp đo lường nghèo đa chiều, một kết quả nghiên cứu khác với quy mô nhỏ hơn trong nhóm đối tượng hẹp là người lao động di cư làm việc phi chính thức ở TPHCM cho thấy một chiều hướng khác, phần lớn lao động phi chính thức nhập cư ở TPHCM thuộc nhóm nghèo đa chiều các dịch vụ xã hội cơ bản, ngay cả khi họ không nghèo về thu nhập. Các chiều thiếu hụt phổ biến nhất là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở và trình độ tay nghề (Luu Thanh Hưng và Nguyễn Thị Minh Châu, 2018).

Bảo hiểm xã hội dường như là một cụm từ xa lạ đối với nhóm lao động

phi chính thức. Hầu hết họ không có bảo hiểm xã hội. Trong khi đó, bảo hiểm xã hội là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần bảo đảm ổn định đời sống lâu dài cho người lao động. Đó là sự đảm bảo bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi họ bị mất hoặc giảm thu nhập do bị ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tàn tật, thất nghiệp, tuổi già, tử tuất, dựa trên cơ sở một quỹ tài chính do sự đóng góp của các bên tham gia bảo hiểm xã hội, có sự bảo hộ của Nhà nước theo pháp luật, nhằm bảo đảm an toàn đời sống cho người lao động và gia đình họ, đồng thời góp phần bảo đảm an toàn xã hội. Nhóm lao động phi chính thức không nằm trong đối tượng điều chỉnh của mỗi quan hệ lao động thuộc Bộ luật Lao động; do đó không thuộc diện bảo hiểm xã hội bắt buộc, mà là bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Oxfam (2015) cho thấy, lao động khu vực phi chính thức hầu như không biết gì về bảo hiểm xã hội tự nguyện và rất thờ ơ với loại hình bảo hiểm xã hội này. Đối với những người làm thợ hồ hoặc bán hàng rong thì bảo hiểm xã hội tự nguyện còn quá lạ lẫm. Suy nghĩ phổ biến của họ là “làm được tới đâu hay tới đó, kiếm được đồng nào hay đồng đó”, họ không muốn phải tốn thêm một khoản tiền đáng kể để đóng bảo hiểm xã hội trong khi phải chật vật kiếm tiền để trang trải cuộc sống thường nhật (Oxfam, 2015).

Không thuộc diện bảo hiểm y tế bắt buộc, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình của lao động phi chính thức cũng rất thấp. Bảo hiểm y tế toàn dân là một cột trụ của chính sách an sinh xã hội của Việt Nam, vì mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Oxfam (2015) cũng cho thấy, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình của nhóm lao động phi chính thức và các thành viên hộ gia đình của họ rất thấp với nguyên nhân chủ yếu là không có tiền để mua.

4. BÀN LUẬN

Trong những năm gần đây, lao động phi chính thức đã trở thành nhóm đối tượng quan tâm của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước. Bằng chứng là có khá nhiều công trình nghiên cứu về nhóm lao động này đã được công bố với bức tranh chung về đặc điểm của người lao động, tình trạng phi chính thức của việc làm và tiếp cận an sinh xã hội. Một vài nghiên cứu đã đi sâu tìm kiếm các yếu tố tác động từ tính “phi chính thức” của việc làm, đó chính là mối tương quan tỷ lệ thuận giữa tình trạng phi chính thức và nghèo; tình trạng phi chính thức và thiếu hụt tiếp cận an sinh xã hội.

Đối với Việt Nam, mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội toàn dân, rất cần thiết để đưa nhóm lao động phi chính thức thuộc đối tượng điều chỉnh của Bộ luật Lao động và được hưởng các

chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, để xây dựng những luận cứ khoa học mang tính thuyết phục cao về mối tương quan giữa tính phi chính thức của việc làm và tình trạng nghèo; tạo nền tảng cơ sở để xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng sống, đảm bảo an sinh xã hội cho nhóm lao động phi chính thức, cần nghiên cứu sâu những vấn đề như sau:

(i) Nghiên cứu phân khúc vị thế nghề nghiệp của nhóm lao động phi chính thức và ảnh hưởng của nó đối với sự khác biệt lớn về tình trạng nghèo (bao gồm nghèo đơn chiều và nghèo đa chiều) của những người này.

(ii) Phân tích tương quan giữa tình

trạng phi chính thức và nghèo đói, các yếu tố nghèo của lao động phi chính thức; cả nghèo đơn chiều và nghèo đa chiều theo lát cắt phân khúc vị thế nghề nghiệp.

(iii) Tiền lương/tiền công của nhóm lao động làm thuê, làm công ăn lương với tiền lương tối thiểu, mức sống tối thiểu và lương đủ sống, nhằm xác định tiền lương/tiền công đáp ứng đủ mức sống tối thiểu và lương đủ sống. Đặt trong giả thuyết mối tương quan giữa thu nhập tác động đến việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đến việc giảm nghèo bền vững; để có những giải pháp vận động chính sách hướng đến đảm bảo thu nhập và giảm nghèo bền vững. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Khoản 4 Nghị quyết của ILO về việc làm bền vững và nền kinh tế phi chính thức, 2002. <http://www.ilo.org/public/english/standards/reim/ilc/ilc90/pdf/pr-25res.pdf>, truy cập ngày 20/3/2019.

⁽²⁾ Theo kết quả khảo sát về mức lương của người lao động năm 2015 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện, mức sống tối thiểu của người lao động năm 2015 theo vùng như sau: vùng I là 4,006 triệu đồng; vùng II là 3,457 triệu đồng; vùng III là 3,003 triệu đồng; vùng IV là 2,793 triệu đồng. Căn cứ vào dự báo mức tăng chỉ báo giá tiêu dùng CPI trung bình các năm 2015 - 2016 khoảng 5%/năm, chưa tính đến các yếu tố tăng trưởng kinh tế, thì nhu cầu mức sống tối thiểu của người lao động từ năm 2016 đến 2017 dự kiến như sau: Năm 2016: vùng I là 4,200 triệu đồng; vùng II là 3,630 triệu đồng; vùng III là 3,159 triệu đồng và vùng IV là 2,900 triệu đồng. Năm 2017: vùng I là 4,400 triệu đồng; vùng II là 3,800 triệu đồng; vùng III là 3,300 triệu đồng và vùng IV là 3,080 triệu đồng.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bacchetta, Marc - Ekkehard Ernst và Juana P. Bustamante. 2010. “Toàn cầu hóa và việc làm phi chính thức tại các nước đang phát triển”, trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
2. Cling, Jean-Pierre - Mireille Razafindrakoto và François Roubaud. 2010. “Khu vực kinh tế phi chính thức, cuộc khủng hoảng và chính sách công tại Việt Nam”, trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

3. Groisman, Fernando. 2010. “Lao động phi chính thức và thu nhập không ổn định ở Argentina”, trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
4. Herrera, Javier - Nancy Hidalgo. 2010. “Động thái của các cơ sở phi chính thức nhỏ và tình trạng nghèo đói ở Peru: Một cách tiếp cận dữ liệu đa chiều”, trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
5. Hồ Đức Hùng và các cộng sự. 2012. “Từ việc làm trong khu vực kinh tế phi chính thức đến việc làm phi chính thức ở Việt Nam”. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, số 3 (13), tháng 3-4/2012, trang 65-67.
6. ILO. 2002. *Nghị quyết về việc làm bền vững và nền kinh tế phi chính thức*, <http://www.ilo.org/public/english/standards/relm/ilc/ilc90/pdf/pr-25res.pdf>, truy cập nhật ngày 20/3/2019.
7. Lưu Thanh Hưng và Nguyễn Thị Minh Châu. “Tình trạng nghèo đa chiều ở lao động nhập cư khu vực phi chính thức tại TPHCM”. *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, số 8(240)-2018, trang 53-68.
8. Nguyễn Hoài Sơn. 2013. “Khu vực phi chính thức ở các nước đang phát triển”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10 (71).
9. Oxfam. 2015. *Rào cản pháp luật và thực tiễn đối với lao động di cư trong tiếp cận an sinh xã hội*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức
10. Razafindrakoto, Mireille - François Roubaud - Jean-Michel Wachsberger. 2010. “Làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức: Tự nguyện hay bắt buộc? Phân tích sự hài lòng về công việc tại Việt Nam”, trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
11. SDRC. 2018. *Báo cáo An sinh xã hội và an toàn vệ sinh lao động của người thu gom rác dân lập ở TPHCM*. Báo cáo nghiên cứu.
12. Soeren Jeppesen, Bas Kothus, Angie Ngoc Tran. 2009. *Corporate Social Responsibility and Competitiveness for SMEs in Developing Countries: South Africa and Vietnam*.
13. Tổng cục Thống kê và ILO. 2017. *Báo cáo lao động phi chính thức 2016*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
14. Tổng cục Thống kê và ILO. 2017. “Báo cáo về lao động phi chính thức”, <http://dantri.com.vn/viec-lam/lao-dong-phi-chinh-thuc-buon-chai-voi-luong-binh-quan-44-trieu-dong-thang-20171005010034374.htm>, truy cập ngày 5/10/2018.
15. UNDP. 2018. *Báo cáo nghèo đa chiều ở Việt Nam. Giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh để đảm bảo cuộc sống có chất lượng cho mọi người*. Báo cáo kết quả nghiên cứu.
16. Roxana, Maurizio. 2010. “Lao động phi chính thức và nghèo đói ở Châu Mỹ Latinh”, trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb. Trí thức.
17. Viện Khoa học Thống kê. 2010. *Tổng quan về kết quả điều tra thống kê khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và một số khuyến nghị về quản lý thông tin thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực*. Hà Nội.
18. Worldbank. 2018. *Bước tiến mới - Giảm nghèo và thịnh vượng chung ở Việt Nam*. Báo cáo cập nhật 2018.